

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN  
CÁC TIÊU CHỈ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2023  
đối với xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn  
(Kèm theo Báo cáo số: 1224/BC-UBND ngày 14/12/2023  
của UBND thành phố Lạng Sơn)**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định			
		- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm	100%	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ đường xã có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định.	≥ 70%	100% Đạt	Đạt
		- Đường xã có hệ thống chiếu sáng trên tuyến	Có ít nhất 02 tuyến có điện chiếu sáng (ở những đoạn có dân cư tập trung, nhóm hộ, hộ dân sinh sống)	+ Điện chiếu sáng tuyến đường Quảng Trung I, II + Điện chiếu sáng tuyến đường Khuân Slác Đạt	Đạt
	- Đường xã có trồng cây xanh hoặc trồng hoa (đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, cây đang sinh trưởng, phát triển tốt)	Có ít nhất 02 tuyến trồng cây xanh hoặc trồng hoa (trồng cây xanh hoặc trồng	+ Trồng cây Bạch đàn tuyến đường Bản Nhàng. + Trồng hoa Dâm bụt đường Khuân	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
			hoa ở những nơi có đủ điều kiện trồng cây và trồng hoa)	Slác Đạt	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp			
		- Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ đường thôn, bản và liên thôn, bản có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định	≥ 70%	Đạt	Đạt
		- Đường thôn, bản và liên thôn, bản có hệ thống chiếu sáng trên tuyến.	Có ít nhất 03 tuyến có điện chiếu sáng (ở những đoạn có dân cư tập trung, nhóm hộ, hộ dân sinh sống)	+ Đường điện chiếu sáng xóm Bản Lông. + Đường điện chiếu sáng Xóm Nà Poọng. + Đường điện chiếu sáng Xóm Pác Cáp Đạt	Đạt
		- Đường thôn, bản và liên thôn, bản có trồng cây xanh hoặc trồng hoa (đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, cây đang sinh trưởng, phát triển tốt)	Có ít nhất 03 tuyến trồng cây xanh hoặc trồng hoa (trồng cây xanh hoặc trồng hoa ở những nơi có đủ điều kiện trồng cây và trồng hoa)	+ xóm Pác cáp. + xóm Bản Cao. + xóm Bản Loỏng ngoài. + xóm Bản mới Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥ 85%	37,071/38,271 km đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt 96,86% Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	$\geq 80\%$	Trên địa bàn xã không có đường trục chính nội đồng Đạt	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Tổng số diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã trong phạm vi tưới thiết kế của công trình thủy lợi là 191,4 ha, thực tế hiện nay các công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ tưới, tiêu chủ động cho cho 174,2 ha, đạt 91%, Đạt	Đạt
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	việc thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở tại xã để thụ hưởng chính sách trên địa bàn xã Quảng Lạc chưa thực hiện được, không đảm kinh phí cho hoạt động, Đạt	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 15\%$	Mô hình tưới tiết kiệm nước được lấy nước từ công trình Trạm bơm điện Phai Cải, công trình cấp nước cho 5,6 ha lúa, và 1,4 ha cây ăn quả. Tỷ lệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước đạt (1,4/7ha), 20%. Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Trên địa bàn xã hiện có 13/13 công trình giao cho Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi thuộc công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn trực tiếp quản lý và khai thác, các công trình hàng năm được bảo trì. Đạt	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh. đảm bảo phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Đạt	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	Hiện nay trên địa bàn xã có 09/09 thôn, 1045/1045 hộ dân đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định theo quy định đạt 100%. Đạt	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao	100%	Trên địa bàn xã có 03 trường học đạt chuẩn Quốc gia	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
		nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2		về cơ sở vật chất. Trường tiểu học Quảng Lạc đã có Quyết định đầu tư đạt Cơ sở vật chất mức độ 2. Đạt	
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Đạt	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại	Khá	Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại Tốt Đạt	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	3/3 trường học đã thành lập các câu lạc bộ: Bóng đá, Điền kinh, Thể dục nhịp điệu Đạt	Đạt
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Đã lắp đặt các dụng cụ TDTT ngoài trời ở điểm công cộng, đảm bảo các hoạt động văn hóa thể thao hoạt động thường xuyên Đạt	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh, bảo vệ và phát huy giá trị đúng quy định Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	- Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn văn hoá" 2 năm trở lên	+ 9/9 thôn đạt thôn văn hóa 2 năm liên tục. Đạt	Đạt
			- Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hoá	Năm 2023 xã Quảng Lạc đạt 946/1014, tỷ lệ 93,2% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa. Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 quy định đối với các xã chưa có chợ sẽ không xem xét tiêu chí số 7 Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Xã có 01 điểm bưu điện văn hóa xã (tại thôn <i>Quảng Liên I</i> ) Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng núi. Tối	Trên địa bàn xã có trên 79% (2.365/2.992) tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
			thiếu 80% đối với các xã còn lại		
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Có 01 hệ thống Đài truyền thanh IP với 13 cụm loa tới các thôn, các khu dân cư đảm bảo trên 85% các hộ dân được nghe thông tin từ hệ thống loa truyền thanh Đạt	Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	+ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành iOffice + Hệ thống thư điện tử công vụ Đạt	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	Trên địa bàn xã có các điểm công cộng có mạng wifi miễn phí: trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa xã, trạm y tế, trường học... Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 90\%$	Trên địa bàn xã có 1.037/1.037 ngôi nhà đạt tiêu theo quy định của Bộ Xây dựng (niên hạn sử dụng trên 20 năm, diện tích sử dụng tối thiểu 10m <sup>2</sup> /người có các công trình đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tối thiểu như nhà bếp, nhà vệ sinh, nước sinh hoạt, nhà tắm...) Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021 $\geq$ 43	46,8 triệu	Đạt
			Năm 2022 $\geq$ 47	49,13 triệu	Đạt
			Năm 2023 $\geq$ 51	52,76 triệu Đạt	Đạt
			Năm 2024 $\geq$ 55		
			Năm 2025 $\geq$ 59		
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	< 8 %	1,91% Đạt	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq$ 75%	2.250/2.978 lao động, đạt 75,55% Đạt	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq$ 25%	871/2.978 lao động, đạt 26,2% Đạt	Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\leq$ 47%	1151/2.724 lao động, đạt 42,25% Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	$\geq$ 1	HTX An Hồng Đạt	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Đạt	Mật ong hương rừng xứ Lạng được UBND tỉnh công nhận là sản phẩm OCOP 3 sao theo quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 24/01/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn; sản phẩm Mật ong ngũ gia bì được UBND tỉnh công nhận là sản phẩm OCOP 4 sao theo quyết	Đạt



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
				định số 2583/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Sản phẩm Hạt dẻ tươi An Sơn được UBND tỉnh công nhận là sản phẩm OCOP 3 sao theo quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/10/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn Đạt	
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 1	HTX sản xuất và dịch vụ nông nghiệp An Hồng Đạt	Đạt
		13.4. Ứng dụng chuyên đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥ 01 sản phẩm	HTX sản xuất và dịch vụ nông nghiệp Quảng Hồng HTX An Sơn Đạt	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	≥ 10%.	Trên địa bàn xã Quảng Lạc có 03 sản phẩm gồm: Hạt dẻ, mật ong hương rừng Xứ Lạng và mật ong ngũ Gia bì mang lại hiệu quả kinh tế cho địa phương. Trong đó sản phẩm Hạt dẻ, mật ong hương rừng Xứ Lạng là 02 sản phẩm hiệu quả được bán trên sàn thương mại điện tử. Số sản phẩm được bán trên sàn thương	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
				mại điện tử đạt trên 50% số sản phẩm chủ lực của xã Đạt	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt	Vùng trồng Lúa an toàn của xã đã được cấp mã vùng trồng theo giấy xác nhận cấp mã số Vietgap-TT-13-04-20-0035 kèm quyết định số: 3756/QĐ-NHONHO ngày 02/12/2020 của công ty TNHH công nghệ NHONHO chứng nhận về việc cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Vietgap Đạt	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	UBND xã chủ động đăng tải các sản phẩm quảng bá du lịch của xã trên trang thông tin điện tử của địa phương có địa chỉ truy cập " <a href="http://www.quan-giac.thanhpho.la-ngson.gov.vn/">http://www.quan-giac.thanhpho.la-ngson.gov.vn/</a> ". Định kỳ, cập nhật kết quả triển khai thông tin các điểm du lịch của xã trên trang TTĐT của xã và trên mạng xã hội. Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	$\geq 01$ mô hình	HTX An Sơn Đạt	Đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	$4.540/4.750 = 95,57\%$ Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe $4569/4750$ đạt $96,2\%$ Đạt	Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	$1.900/1.600$ đạt $118,75\%$ Đạt	Đạt
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	$3.663/1.600$ đạt $228\%$ Đạt	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến đạt $50\%$	Kết quả giải quyết hồ sơ năm 2023 (tính đến ngày 19/10/2023): đã tiếp nhận và giải quyết 769 hồ sơ, trong đó tiếp nhận trực tuyến là 461 hồ sơ, đạt $60\%$ ; tiếp nhận trực tiếp là 308 hồ sơ. Số hồ sơ đã giải quyết 769 hồ sơ, đạt $100\%$ . Đạt	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền của cấp xã 113 TTHC. Trong đó TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa 98;	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
				TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông 02; TTHC thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 3, 4) là 67 TTHC; dịch vụ bưu chính công ích 71 TTHC.	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	$\geq 1$	Mô hình tuyên truyền vận động xóa bỏ cây chừa chất ma túy và 2 tổ hòa giải cơ sở điển hình tiên tiến Đạt	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	15/16 vụ, đạt 93,75% Đạt	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	Xã không có trường hợp nào Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	HTX An Hồng Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	16/16 cơ sở, đạt 100% Đạt	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 80\%$	846/1.045 hộ, đạt 80,96% Đạt	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải	$\geq 25\%$	846/1.045 hộ = 80,96%	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
		sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đạt	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	641/1.045 hộ, chiếm tỷ lệ 61,33% Đạt	(Đạt)
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Tổng khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh là 578 kg. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu đạt 100% Đạt	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	Trong năm tổng khối lượng chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, trồng trọt ước là 7.169,15 tấn, trong đó khối lượng chất thải được xử lý tái sử dụng là 5.992 tấn đạt 83,58%.	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 75\%$	752/918 hộ, chiếm tỷ lệ 81,9% Đạt	Đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	7,4% Đạt	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	4,7 m <sup>2</sup> /người Đạt	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Hiện nay trên địa bàn xã có 846 /1.045 hộ gia đình thực hiện thu gom	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
				chất thải nhựa, khối lượng thu gom khoảng 94 kg/năm. Khối lượng trung bình khoảng 0,02kg/người/năm. Tỷ lệ chất thải nhựa thu gom được các hộ gia đình tái sử dụng đạt 83,36%. Đạt	
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Xã không thuộc khu vực III $\geq$ 35%	66,67%	Đạt
			Xã khu vực III $\geq$ 25%		
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III $\geq$ 60 lít	Đạt 70 lít Đạt	Đạt
			Xã khu vực III $\geq$ 40 lít		
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III $\geq$ 25%	có 9/9 công trình có tổ cấp nước của thôn quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt 100%. Đạt	Đạt
			Xã khu vực III $\geq$ 20%		
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100% Đạt	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Trên địa bàn xã không có sự cố về ngộ độc an toàn thực phẩm Đạt	Đạt
18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	100% Đạt	Đạt		

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã</b>	<b>Kết quả thẩm tra của thành phố</b>
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	$\geq 80\%$	1.037/1.037 hộ, đạt 100% Đạt	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Xã không có bãi chôn lấp Chất thải rắn theo quy định Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt